TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2025
V/v trA chấp về Hôn nhân
và gia đình.

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Diệu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Đỗ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc TrA chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị N**, sinh năm 19xx;

- *Bị đơn:* A **Tạ ThA P**, sinh năm 19xx;

Đều có địa chỉ: thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (Nay là thôn L, xã Đ, tỉnh Hưng Yên).

(Chị N và A P đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn là chị Trần Thị N trình bày:*

Chị và A Tạ ThA P tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Nay là UBND xã Đ, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 28/7/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh Pc đến tháng 6/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, bất đồng quan điểm sống, A P chơi bời cờ bạc, thường xuyên đánh chửi chị, xúc phạm gia đình chị dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên khuyên bảo động viên nhưng A P không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2024 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể trở lại đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn A P để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Chị và A P có 02 con chung là Tạ Khánh L, sinh ngày 11/11/2014 và Tạ Hà A, sinh ngày 12/5/2016, hiện cả hai con chung đang ở cùng chị. Chị đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu A P cấp dưỡng nuôi con. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

** Bị đơn là A Tạ ThA P không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

* Tại đơn đề nghị của cháu Tạ Khánh L và Tạ Hạ A trình bày: Bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với mẹ.

* Tại biên bản xác minh ở địa phương ngày 16/7/2025, đại diện chính quyền xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên cung cấp: A Tạ ThA P có nơi cư trú tại xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Nay là xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên). Chị N và A P tự nguyện kết hôn tại UBND xã Thái Xuyên, huyện Thái Thuy, tỉnh Thái Bình (Nay là xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 28/7/2014. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và A P một phần do A P chơi bời, vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù, ngoài ra còn nguyên nhân nào khác địa phương không nắm rõ, chỉ thấy sau khi kết hôn chị N và A P chung sống với nhau ở địa phương sau đó đến khoảng giữa năm 2024 sau khi A P đi chấp hành án về đến nay không thấy chị N và A P chung sống cùng nhau ở địa phương nữa. Chị N đã về nhà bố mẹ để ở xã Thái Đô, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Nay là xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên) để sinh sống, vợ chồng A chị đã sống ly thân. A P vẫn có nơi cư trú ở xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên, A P đi lao động tự do thi thoảng vẫn đi đi về về địa phương vào các dịp gia đình A có công việc. Cán bộ địa phương đã liên lạc với A P thông qua điện thoại, A P trình bày đã biết việc chị N xin ly hôn nhưng A P xác định chị N đã tự lấy giấy tờ và tự nộp đơn ly hôn mà không được sự đồng ý của A nên A chưa đồng ý ly hôn, còn tùy chị N tự giải quyết tại Tòa án theo quy định của pháp luật. Chị N và A P có 02 con chung là Tạ Khánh L, sinh ngày 11/11/20xx và Tạ Hà A, sinh ngày 12/5/20xx, hiện cả hai con chung đang ở cùng chị N. Về tài sản chung địa phương không nắm rõ, không thấy cơ quan hay tổ chức nào ý kiến về việc A chị vay nợ. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày là từ bỏ quyền của mình.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án xử cho chị Trần Thị N được ly hôn A Tạ ThA P; giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Tạ Khánh L, sinh ngày 11/11/20xx và Tạ Hà A, sinh ngày 12/5/20xx, chấp nhận việc chị N không yêu cầu A P cấp dưỡng nuôi con chung; chị N không yêu cầu chia tài sản nên không giải quyết; chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng:* Chị Trần Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, còn A Tạ ThA P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N và A P.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- Về yêu cầu ly hôn: Chị N và A P kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Nay là UBND xã Đ, tỉnh Hưng Yên) và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 28/7/2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay chị N yêu cầu ly hôn A P, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù A P không đến Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng qua xác minh tại địa phương và lời khai của chị N cho thấy: Trong quá trình chung sống, do vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, bất đồng quan điểm sống, A P chơi bời, không quan tâm đến gia đình, mắng chửi vợ nên giữa chị N và A P đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2024 đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập A P đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng A P vẫn cố tình vắng mặt và không có bất kỳ động thái nào thể hiện mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị N và A P không còn, hôn nhân L vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn A P là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về yêu cầu nuôi con khi ly hôn: Hội đồng xét xử thấy, hiện nay con chung của chị N và A P là cháu Tạ Khánh L, sinh ngày 11/11/20xx và Tạ Hà A, sinh ngày 12/5/20xx đều đang sống cùng chị N, chị N yêu cầu Tòa án tiếp tục giao cả 02 con chung cho chị nuôi dưỡng vì chị có đủ điều kiện nuôi con nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N và ghi nhận việc chị N không yêu cầu A P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án chia tài sản khi ly hôn, A P không có ý kiến gì về tài sản, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về tài sản trong vụ án này.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn A Tạ ThA P.

2. Về con chung: Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung Tạ Khánh L, sinh ngày 11/11/20xx và Tạ Hà A, sinh ngày 12/5/20xx. A P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

A P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chị N và A P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001365 ngày 16/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Hưng Yên) sang tiền án phí, chị N đã thi hành xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADSKV7, tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Đ, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Thị Diệu Thúy